Chương 3

QUẢN TRỊ TÀI SẢN NỢ (QUẢN TRỊ TIÊU SẢN)

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Khái niệm

Tài sản nợ

Quản trị tài sản nợ ***là quản trị nguồn vốn phải trả của ngân hàng nhằm đảm bảo cho ngân hàng luôn có đủ nguồn vốn để duy trì và phát triển một cách hiệu quả hoạt động kinh doanh của mình, đồng thời đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu thanh khoản ở mức độ chi phí thấp nhất.***

2. Các nguyên tắc

- o Phải chấp hành các qui định của luật pháp và các cơ quan quản lý trong qúa trình tìm kiếm nguồn vốn cho ngân hàng như:

+ Tổ chức tín dụng không được huy động vốn quá nhiều so với vốn tự có nhằm đảm bảo khả năng chi trả về sau.

+ Áp dụng lãi suất huy động phù hợp so với cơ chế quản lý về lãi suất của ngân hàng Nhà nước.

- o Phải đảm bảo được hai yêu cầu chi phí thấp và quy mô cao của nguồn vốn huy động.
- o Đáp ứng một cách kịp thời nhu cầu thanh khoản của ngân hàng, hạn chế đến mức tối đa sự sụt giảm đột ngột về nguồn vốn của ngân hàng.
- o Sử dụng các công cụ huy động vốn đa dạng để hạn chế rủi ro và phù hợp với đặc điểm hoạt động của ngân hàng.
- o Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động

Chính sách lãi suất tiến tới tự do hoá của Việt Nam

- Trước 1992: Áp dụng chính sách lãi suất âm. Lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi được quy định nhiều mức theo từng loại khách hàng. Từng ngành nghề và theo thành phần kinh tế.

- Từ 6/1992-1995: Áp dụng chính sách lãi suất dương, quy định lãi suất sàn và lãi suất trần. Các tổ chức tín dụng được phép ấn định lãi suất kinh doanh trong khung lãi của Ngân hàng nhà nước. Tự do hoá lãi suất bắt đầu khởi động.

- Từ 1996-1997: Quy định lãi suất trần đối với từng loại thời hạn cho vay (ngắn, trung và dài hạn) các mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân và lãi suất tiền gửi bình quân là 0,35%tháng . Các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay ưu đãi thông qua chính sách lãi suất theo chỉ đạo của Chính phủ

- Từ 1998-4/2000: Ngân hàng nha nước quy định mức lãi suất trần có phân biệt theo từng loại thời hạn cho vay. Bỡ mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân vả lãi suất gửi bình quân là 0,35%tháng. Bắt đầu tự do hoá lãi suất tiền gửi

- Từ 5/2000-5/2001: Chuyển sang cơ chế điều hành lãi suất cơ bản đối với cho vay bằng đồng Việt Nam và cơ chế lãi suất thị trường có quản lý đối với lãi suất cho vay ngoại tệ.

- Từ 6/2001: Bỏ quy định về biên độ lãi suất cho vay bằng USD. Lãi suất tín dụng ngoại tệ đã tự do hoá.

- Từ 6/2002: Thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận. Lãi suất tín dụng ở Việt Nam đã được tự do hoá hoàn toàn.

- 28/03/08 áp dụng LS trần huy động 12%
- 17/05/08 áp dụng cơ chế lãi suất cơ bản, bỏ LS trần huy động thay lãi suất trần cho vay theo luật dân sự (không quá 150% LSCB), điều chỉnh LSCB lên 12% năm (trước đó là 8,75%)
- LS tái cấp vốn của NHNN 13% năm, LS tái chiết khấu 11% năm

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

3. Mục đích:

- Khai thác tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội từ các tổ chức kinh tế và mọi tầng lớp dân cư.
- Đảm bảo sự tăng trưởng nguồn vốn ổn định, bền vững, làm tiền đề cho việc nâng cao thị phần, thỏa mãn tốt nhất nhu cầu vốn cho khách hàng cả về số lượng, thời hạn và lãi suất.
- Đảm bảo khả năng thanh toán và nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

II. CÁC THÀNH PHẦN CỦA TÀI SẢN NỢ

1. Các tài khoản giao dịch

a) Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn

b) Tài khoản vãng lai

2. Các tài khoản phi giao dịch:

a) Tiền gửi có kỳ hạn

b) Tiền gửi tiết kiệm

3. Vay vốn trên thị trường tiền tệ (Chứng chỉ tiền gửi mệnh giá lớn (Certificates of deposit), Vay qua đêm, vay tái cấp vốn của NHNN); thị trường vốn trung hạn (KP, TP ngân hàng)

- **- Vay qua đêm**: Thời hạn rất ngắn. Điều kiện: Qua hôm sau phải có thu nhập phù hợp với số tiền vay; Các NH khác phải có vốn nhàn rỗi để cho vay.
- **- Vay tái cấp vốn:**
- **+ Tái chiết khấu thương phiếu và GTCG.**
- **+ Tái cầm cố thương phiếu và GTCG.**
- **+ Cho vay lại qua hồ sơ TD.**
- **- Phát hành giấy nợ để huy động vốn.**

4. Phát triển các tài khoản hỗn hợp

5. Vay ngắn hạn qua hợp đồng mua lại (Repurchase agreement - RP)

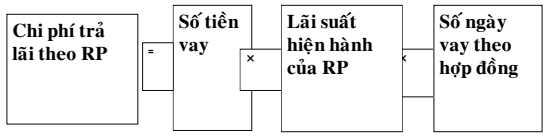

cuu duong than cong . com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

6. Bán nợ (Loan sales) và chứng khoán hóa các khoản cho vay (Securitization)

7. Vay thị trường đô-la Châu Âu

8. Vốn khác (vốn điều chuyển nội bộ, vốn chiếm dụng)

- **III. CÁC NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẾN QUY MÔ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG TIỀN GỬI**
- 1. ***Nhân tố chủ quan:***
- **1.1. Lãi suất cạnh tranh**
- **1.2. Chất lượng dịch vụ ngân hàng**: Sự đa dạng của các dịch vụ; đặc điểm vật chất và đội ngũ nhân sự của ngân hàng.
- **1.3. Các chính sách của ngân hàng** như chính sách tín dụng, chính sách đầu tư, chính sách ngân qũy, giới hạn nhận TG…là một tiêu chuẩn đo lường quan trọng để đánh giá **năng lực, trình độ của các nhà quản lý** ngân hàng

- *2. **Nhân tố khách quan:***
- Bao gồm các yếu tố như **chính sách tiền tệ của NHTW, chính sách tài chính của Chính phủ; Thu nhập và động cơ của người gửi tiền**.
- Trên cơ sở phân tích các nhân tố này, ngân hàng lượng định quy mô các khoản tiền gửi và biến dạng của chúng để đề ra các chính sách sử dụng vốn hợp lý

- **IV. Ước tính chi phí cho nguồn vốn tiền gửi và phi tiền gửi**
  1. Phương pháp chi phí quá khứ bình quân:
  Ngân hàng đã huy động những nguồn vốn nào cho đến thời điểm hiện tại và chi phí cho chúng là bao nhiêu?
- $$\text{Lãi suất huy động bình quân} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi}}{\text{Tổng nguồn vốn huy động b/q}} \times 100$$
- **Tỷ suất sinh lợi tối thiểu để bù đắp chi phí huy động vốn** = (Tổng chi phí lãi bình quân + Chi phí phi lãi)/Tổng mức cho vay và đầu tư vào các tài sản sinh lời

- - Chi phí phi lãi: Tiền lương và chi phí quản lý gián tiếp; mức dự trữ bắt buộc theo qui định; phí bảo hiểm tiền gửi, chi phí dự phòng rủi ro tín dụng.
- - Chi phí duy trì vốn chủ sở hữu.
- ***Tỷ suất sinh lời tối thiểu cần thiết trên vốn vay và vốn chủ sở hữu = Tỷ suất sinh lời tối thiểu để bù đắp chi phí huy động vốn + Tỷ suất lợi nhuận bình quân tối thiểu để duy trì vốn chủ sở hữu***

2. Phương pháp chi phí vốn biên tế (cận biên)

- **Chi phí huy động vốn để tài trợ khoản vay = Chi phí trả lãi theo lãi suất bình quân trên thị trường tiền tệ + Chi phí phi lãi để huy động vốn**
- Đó là mức *chi phí tăng thêm cho một đồng vốn mới* mà ngân hàng phải bỏ ra khi huy động thêm vốn.

cuu duong than cong . com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

- ***3. Chi phí huy động vốn hỗn hợp***
- Bước 1: Xác định những nguồn vốn dự kiến sử dụng để đáp ứng nhu cầu tài trợ.
- Bước 2: Xác định mức khả dụng mỗi nguồn vốn.
- Bước 3: Xác định chi phí lãi và phi lãi mỗi nguồn.
- Bước 4: Tập hợp chi phí lãi và phi lãi của tất cả các nguồn và xác định tương quan với tổng nguồn huy động.

V. LỰA CHỌN GIỮA CHI PHÍ VÀ RỦI RO TRONG HUY ĐỘNG VỐN

- **1. Các loại rủi ro tác động đến nguồn vốn huy động của ngân hàng:**
- **+ <u>Rủi ro lãi suất</u>: Khi lãi suất thị trường giảm, ngân hàng sẽ bị thiệt hại** do trước đó đã huy động những nguồn vốn dài hạn với lãi suất cao. **Khi lãi suất thị trường tăng,** người gửi tiền sẽ thấy lãi suất mà ngân hàng trả cho họ không xứng đáng nên họ sẽ **rút tiền để đầu tư vào lĩnh vực khác** có lợi hơn. *Như vậy, có thể thấy rủi ro lãi suất thường xuất hiện ở những nguồn vốn huy động với thời hạn dài với LS cố định.*

- **+ Rủi ro thanh khoản**: Xảy ra khi có tình trạng rút tiền hàng loạt của khách hàng làm sụt giảm nghiêm trọng nguồn vốn của ngân hàng. Như khi tình trạng thất nghiệp gia tăng, các doanh nghiệp không tiêu thụ được hàng hóa sẽ làm cho tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi thanh toán sẽ giảm đi một cách đột ngột…buộc ngân hàng phải tìm kiếm những nguồn vốn khác có chi phí cao hơn để bù đắp.

- **+ Rủi ro vốn chủ sở hữu**: Khi vốn huy động quá lớn so với vốn chủ sở hữu, các nhà đầu tư sẽ lo lắng đến khả năng hoàn trả của ngân hàng và có thể họ sẽ rút vốn khỏi ngân hàng đó.
- **Do đó**, khi quyết định phải huy động nguồn vốn mới, nhà quản trị phải có sự lựa chọn phù hợp với mục tiêu kinh doanh của ngân hàng khi đánh đổi giữa rủi ro với chi phí huy động và ngược lại (TG KKH có rủi ro cao, chi phí huy động thấp).

2. Lựa chọn giữa chi phí và rủi ro trong huy động vốn của ngân hàng:

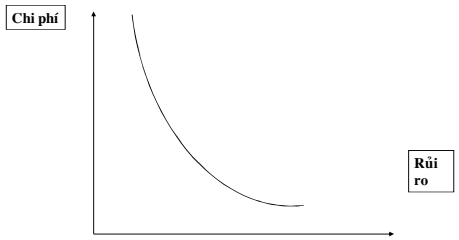

- **Nhà quản trị TS nợ phải đương đầu với 2 thách thức:**
- - **Trước tiên** là ***sự đánh đổi giữa rủi ro và chi phí huy động*** vốn: Nguồn vốn chi phí thấp có thể phải chịu rủi ro cao về lãi suất, thanh khoản hay là vốn sở hữu. Như thế mỗi khi phải huy động vốn mới, nhà quản trị ngân hàng phải lựa chọn một tương quan ưu tiên giữa rủi ro và lợi nhuận, trên bảng đối chiếu giữa rủi ro và chi phí theo từng cách phối hợp giữa các nguồn vốn.

cuu duong than cong . com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

- **- Thứ hai, mức độ rủi ro của các nguồn vốn khác nhau thay đổi theo những chiều hướng rủi ro được xem xét**. Ví dụ như, loại sổ tiết kiệm dành cho những hộ gia đình thu nhập thấp và trung bình có thể tương đối ít nhạy cảm với những thay đổi lãi suất (độ co dãn theo giá thấp), nhưng cũng chính loại tiền gửi đó lại có thể gần với cao điểm rủi ro thanh khoản vào những thời vụ nhất định trong năm (như lễ Giáng sinh, tết…) hoặc những giai đoạn nào đó trong chu kỳ kinh doanh (như thời kỳ khủng hoảng kinh tế) khi xảy ra việc rút tiền ồ ạt, lý do là vì loại tiền gửi này chịu ảnh hưởng bởi những đột biến và thất thường.

- **Vì vậy, thách thức chủ yếu đối với nhà quản trị ngân hàng trong việc chọn một hỗn hợp nguồn vốn bao gồm *việc lựa chọn các mức độ rủi ro thích hợp ở mỗi chiều hướng rủi ro huy động vốn và điều chỉnh theo chi phí huy động vốn của các mức rủi ro đó.***

- **VI. Phương pháp quản lý tài sản nợ**
- 1. Thực hiện các chính sách và biện pháp đồng bộ để khơi tăng nguồn vốn của ngân hàng. Các biện pháp nhằm nâng cao khả năng huy động các nguồn tiền gửi của ngân hàng bao gồm:
- **1.1. Biện pháp kinh tế:**
- Là biện pháp mà ngân hàng sử dụng các đòn bẩy kinh tế (như lãi suất, bắt thăm trúng thưởng và các công cụ khác) để giúp ngân hàng có thể khai thác và huy động các nguồn vốn cần thiết.
- - ***Ưu điểm*** của biện pháp này là linh hoạt, nhạy bén có thể giúp ngân hàng đáp ứng được nhu cầu vốn trong những trường hợp cần thiết và cấp bách.
- - ***Nhược điểm:*** gia tăng chi phí và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của ngân hàng.
-

- **1.2. Biện pháp kỹ thuật**
- Đây là biện pháp cơ bản, lâu dài, chủ lực và mang tính chiến lược:
- - Cải tiến, nâng cấp các thiết bị, phương tiện trong công tác huy động vốn, thay thế máy móc thiết bị cũ bằng các máy móc tiên tiến, hiện đại nhằm đảm bảo cho việc thanh toán được nhanh chóng, chính xác, thuận tiện hơn.
- - Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, phải tạo ra và cung ứng cho khách hàng nhiều loại hình dịch vụ tiền gửi nhằm thu hút nguồn tiền gửi trên thị trường.
- - Hoàn thiện và phát triển mạng lưới huy động vốn bao gồm mạng lưới truyền thống (mạng lưới này sử dụng con người làm hạt nhân, gồm các phòng giao dịch, chi nhánh, bàn tiết kiệm…) và các mạng lưới hiện đại (ATM, thẻ thanh toán,thẻ tín dụng…)

- **1.3. Biện pháp tâm lý**
- Là biện pháp tác động vào yếu tố tình cảm, tâm lý của khách hàng để tạo lập, củng cố, duy trì và phát triển mối quan hệ tốt đẹp, lâu dài, bền vững giữa khách hàng và ngân hàng.
- - Ngân hàng cần tổ chức có hiệu quả hoạt động tuyên truyền, quảng cáo làm cho công chúng nói chung và khách hàng hiểu rõ hơn về thanh thế và uy tín của ngân hàng, hiểu rõ, hiểu đúng về chất lượng cũng như tính ưu việt, độc đáo của dịch vụ ngân hàng cung cấp nhằm thu hút khách hàng
- - Ngân hàng cần tạo lập và phát triển đội ngũ cán bộ ngân hàng vừa nắm vững chuyên môn, vừa nắm vững chủ trương, chính sách, vừa có khả năng giao tiếp ứng xử để tạo ra hình ảnh đẹp về ngân hàng cả nội dung và hình thức.

- **2. Sử dụng các công cụ cơ bản để tìm kiếm nguồn vốn có chi phí thấp**: Một khi nhu cầu vốn phát sinh vượt quá khả năng thanh khoản (cung TK-cầu TK), ngân hàng vay theo thứ tự sau:
- + Vay qua đêm: thực hiện trong trường hợp sang ngày tiếp theo ngân hàng sẽ có được nguồn thu tương ứngcó nguồn để vay.
- + Vay tái cấp vốn của ngân hàng nhà nước.
- + Sử dụng các hợp đồng mua lại, phát hành các chứng chỉ tiền gửi có mệnh giá lớn để huy động vốn, vay đô la châu Âu…

cuu duong than cong . com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

- **Cung thanh khoản**: là các tài sản làm tăng qũy của ngân hàng, là nguồn cung cấp thanh khoản cho NH= Nhận TG+Thu gốc và lãi nợ vay+Thu khác bằng tiền mặt và chuyển khoản+DTSC+DTTC…
- **Cầu thanh khoản:** là nhu cầu vốn cho mục đích hoạt động của ngân hàng làm giảm qũy của ngân hàng đó= Cho K/H vay+K/H rút tiền+Trả gốc và lãi tiền gửi đến hạn+DTBB ngày hôm sau+Dự trữ vượt mức ngày hôm sau+Mua chứng khoán…

- **3. Đa dạng hoá các nguồn vốn huy động và tạo cơ cấu nguồn vốn sao cho phù hợp với những đặc điểm hoạt động của ngân hàng**. Cụ thể là đối với các ngân hàng bán lẻ chủ yếu là cho vay ngắn hạn để bổ sung nhu cầu tiêu dùng, nhu cầu vốn lưu động của cá nhân và doanh nghiệp nên trong tổng nguồn vốn, tiền gửi không kỳ hạn phải chiếm tỷ trọng cao để đảm bảo chi phí huy động vốn thấp. Còn đối với các ngân hàng bán buôn thì chủ yếu cho vay trung dài hạn nên đòi hỏi nguồn vốn chiếm tỷ trọng cao là các loại tiền gửi định kỳ, tiền gửi có kỳ hạn.

- **4. Tận dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn theo quy định của luật pháp.**
- Trước đây, ngân hàng Nhà nước cho phép các ngân hàng thương mại sử dụng từ 20-25% (đến tháng 5/2003 tỉ lệ này là 30%, 4/2005 là 40%) số dư của tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới một năm để cho vay trung dài hạn, hiện nay theo quyết định số 457/QĐ/NHNN ngày 19/4/2005 thì tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn mà các tổ chức tín dụng được sử dụng để cho vay trung, dài hạn như sau:
- Ngân hàng thương mại: 40%
- Tổ chức tín dụng khác: 30%

- **5. Thực hiện đầy đủ các nội dung cơ bản trong quản lý tài sản Nợ của ngân hàng:**
- – Xây dựng kế hoạch nguồn vốn của ngân hàng bao gồm: số lượng, cơ cấu, tốc độ tăng trưởng nguồn vốn so với năm trước, đưa ra các phương án huy động vốn, chính sách lãi suất, công cụ sử dụng…
- Việc xây dựng kế hoạch nguồn vốn **phải đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn với sử dụng vốn và đảm bảo khả năng thanh toán, đảm bảo cân đối ở trạng thái động.** Do đó, khi lập kế hoạch nguồn vốn nhà quản trị phải **xuất phát từ cơ cấu và quy mô tài sản Có để quyết định cơ cấu, quy mô tài sản Nợ,** phù hợp với khả năng quản lý và đảm bảo được hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Kế hoạch nguồn vốn của toàn hệ thống ngân hàng phải được xây dựng trên cơ sở tổng hợp kế hoạch nguồn vốn của các chi nhánh và hội sở chính. Sau khi kế hoạch được duyệt sẽ giao chỉ tiêu huy động đến từng chi nhánh.
-

- – Thực hiện công tác điều hành vốn trong toàn hệ thống: giao kế hoạch nguồn vốn cho từng chi nhánh, xác định hạn mức điều chuyển vốn trong nội bộ hệ thống, lãi suất điều chuyển vốn..
- – Phân tích, đánh gía tình hình thực hiện kế hoạch nguồn vốn trong từng thời kỳ của từng chi nhánh và toàn hệ thống.
- – Theo dõi việc thực hiện lãi suất, chênh lệch lãi suất bình quân cho vay và huy động của từng chi nhánh cũng như toàn bộ hệ thống.

- **6. Thực hiện quy trình quản lý tài sản Nợ của ngân hàng:**

6.1. Tại Hội sở chính:

- **a) Xây dựng kế hoạch nguồn vốn:**
- **b) Lập kế hoạch nguồn vốn** :
- **c) Thực hiện huy động vốn gắn liền với việc điều hòa vốn trong toàn hệ thống:**

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt

6.2. Tại các chi nhánh

- **a) Lập kế hoạch nguồn vốn**:
- **b) Thực hiện công tác huy động và điều hành vốn**
- **c) Trong quá trình triển khai**, căn cứ vào tình hình thực hiện cụ thể, trên cơ sở phân tích đánh giá nguyên nhân, chi nhánh có thể đề nghị Hội sở chính **điều chỉnh các chỉ tiêu nguồn vốn**.
- **d) Định kỳ chi nhánh thực hiện đánh giá công tác thực hiện kế hoạch nguồn vốn**.

cuu duong than cong . com

CuuDuongThanCong.com https://fb.com/tailieudientucntt